

Bản án số: **553/2021/KDTM-PT**

Ngày: 06/7/2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
đầu giá tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Như Mai

Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương
mại thụ lý số: 11/2021/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc:
“Tranh chấp hợp đồng mua bán đầu giá tài sản”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 777/2020/KDTM-ST ngày
16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị
kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2074/2021/QĐ-PT
ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH NT

Địa chỉ: Số 261L NVT, Phường 10, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh T – Giám đốc

Bị đơn: Công ty SG

Địa chỉ: Số 457/30 đường THĐ, phường CK, Quận A, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Minh T, sinh năm: 1985

(Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2020)

Địa chỉ liên lạc: Số 16 đường NQC, phường AP, Quận B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP KTVN

Địa chỉ: Số 191 đường BT, phường LĐH, quận HBT, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh năm: 1987

(Văn bản ủy quyền ngày 31/8/2017).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 15, số 9-11 TĐT, phường BN, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP KTVN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Ngày 11/01/2014, Công ty TNHH NT trúng đấu giá tài sản là 03 xe ô tô Hynhdai (01 xe Hyundai Avente HD-20GS-A4 có số khung LUDT41DBBN001837, số máy G4GCBW063451, 01 xe Hyundai i10 có số khung MALAN51CBBM927149, số máy G4LABM683640 và 01 xe Hyundai i20 có số máy MALBB1CBCM346050, số máy G4FABW344879) với giá 1.185.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT là 10%) của Ngân hàng TMCP KTVN do Công ty SG tổ chức. Công ty NT đã thanh toán đủ tiền và nhận xe nhưng Techcombank xuất hóa đơn GTGT với thuế xuất 0%. Do đó, Công ty NT yêu cầu Công ty SG hoàn trả tiền thuế GTGT là 10% giá trị tài sản, tương đương 108.500.000 đồng, cùng với lãi suất 1% tháng tính từ ngày 11/01/2014.

Ngày 13/01/2014 Công ty NT đã bán 03 chiếc ô tô trên cho công ty TNHH TMDV PL với giá 1.200.000.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT), nên ngày 06/9/2019 Công ty NT chỉ yêu cầu Công ty SG và Techcombank liên đới trả số tiền thuế GTGT là 108.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 15/10/2020 là 78 tháng với số tiền là 84.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng; Tổng số tiền yêu cầu được làm tròn là 192.000.000 đồng. Trả 01 lần ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đại diện bị đơn trình bày:

Công ty SG và Techcombank ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 16/2013/HĐ-BĐGTS ngày 15/11/2013 và Phụ lục hợp đồng bán đấu giá số 16-02/2014/PLHĐ-BĐGTS ngày 02/01/2014 về việc ủy quyền bán đấu giá tài sản xử lý nợ là 03 chiếc ô tô Hyundai như trên với giá khởi điểm là 1.181.000.000 đồng (giá đã bao gồm VAT). Tại phiên đấu giá ngày 11/01/2014, Công ty NT đã trúng đấu giá 03 chiếc xe trên với giá 1.185.000.000 đồng (giá đã có VAT). Do Hợp đồng số 16/2013/HĐ-BĐGTS giữa Công ty SG và Techcombank có nội dung giá mua bán đã bao gồm VAT, do đó khi Công ty SG tổ chức đấu giá ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với Công ty NT ngày 11/01/2014 cũng có nội dung giá mua bán là giá đã bao gồm VAT. Tuy nhiên Techcombank là bên có tài sản bán đấu giá lại xuất hóa đơn có VAT bằng 0% cho Công ty NT với lý do Nghị định 209/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 thì “Bán tài sản bảo đảm tiền vay” là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Từ đó, Techcombank từ chối xuất hóa đơn có VAT cho Công ty NT là khách hàng mua trúng đấu giá tài sản trên.

Do Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 16/2013/HĐ-BĐGTS ký vào ngày 15/11/2013, nên 30 ngày trước khi phiên đấu giá ngày 11/01/2014 diễn ra, toàn

bộ các thông báo cũng như quy chế phiên đấu giá được ban hành cũng có nội dung là giá mua bán đã bao gồm VAT. Công ty SG chỉ là người ủy quyền bán đấu giá tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Techcombank, đã thực hiện việc bán đấu giá tài sản theo trình tự quy định của pháp luật, Công ty SG không thừa hưởng số tiền thuế VAT của Công ty NT. Do đó nếu Công ty NT bị thiệt hại thì trách nhiệm thuộc về Techcombank. Đề nghị xem xét về cách tính lãi của Công ty NT.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 16/2013/HĐ-BĐGTS ngày 15/11/2013 và Phụ lục hợp đồng bán đấu giá số 16-02/2014/PLHĐ-BĐGTS ngày 02/01/2014 được ký giữa Công ty SG và Techcombank thì giá bán tài sản đã bao gồm thuế GTGT nhưng không ghi rõ mức thuế suất là bao nhiêu. Sau phiên đấu giá, Techcombank đã xuất hóa đơn GTGT, ghi thuế suất là 0% cho người trúng đấu giá là Công ty NT nên Techcombank không vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng bán đấu giá tài sản, không có trách nhiệm hoàn lại tiền thuế GTGT cho Công ty NT.

Mặt khác biên bản đấu giá tài sản ngày 11/01/2014, Techcombank tham dự với tư cách người chứng kiến. Biên bản đấu giá và quy chế đấu giá do Công ty SG lập và tự chịu trách nhiệm. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 06/HĐ-MB ngày 11/01/2014 giữa Công ty SG với Công ty NT chỉ ghi giá bán tài sản là 1.185.000.000 đồng.

Techcombank không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bị đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 777/2020/KDTM-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty NT:

Ngân hàng TMCP KTVN có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty NT số tiền thuế GTGT là 108.000.000 đồng và lãi chậm trả là 84.000.000 đồng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty SG phải chịu án phí là 9.600.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số 09021 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N; Công ty SG phải nộp thêm 6.600.000 đồng.

- Ngân hàng TMCP KTVN phải chịu án phí là 9.600.000 đồng.

- Hoàn lại cho Công ty TNHH NT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04414 ngày 23/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 26/10/2020, Ngân hàng TMCP KTVN kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu: Đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bị đơn về việc yêu cầu Ngân hàng phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền thuế GTGT là 108.000.000 đồng và lãi chậm trả là 84.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Ngân hàng TMCP KTVN vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP KTVN; Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP KTVN; Án sơ thẩm giải quyết tranh chấp là có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP KTVN làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có Đơn đề nghị xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Xét đơn yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP KTVN có đủ căn cứ để xác định:

Ngày 15/11/2013 Công ty SG và Techcombank ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 16/2013/HĐ-BĐGTS và Phụ lục hợp đồng bán đấu giá số 16-02/2014/PLHĐ-BĐGTS ngày 02/01/2014 về việc Techcombank giao cho Công ty SG bán đấu giá tài sản xử lý nợ là 03 chiếc ô tô Hyundai như đã nêu trên với giá khởi điểm là 1.181.000.000 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT). Tại phiên đấu giá ngày 11/01/2014, Công ty NT là bên mua tài sản đã trúng đấu giá 03 chiếc xe trên với giá 1.185.000.000 đồng (giá trên đã bao gồm thuế GTGT).

Căn cứ Biên bản bán đấu giá tài sản có xác nhận của đại diện người có tài sản bán đấu giá là Techcombank và đại diện Công ty SG nên có căn cứ khẳng định các bên thừa nhận giá bán 1.185.000.000 đồng trong Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 06/HĐ-MB ngày 11/01/2014 giữa Công ty SG với Công ty NT là giá đã bao gồm thuế GTGT. Các bên công nhận kết quả đấu giá tài sản và thừa nhận trình tự, thủ tục đấu giá là đúng quy định pháp luật thì phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia đấu giá.

Sau phiên đấu giá, Techcombank đã xuất hóa đơn GTGT, ghi thuế suất là 0% cho người trúng đấu giá là Công ty NT là không đúng với ý chí thỏa thuận ban đầu khi ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 16/2013/HĐ-BĐGTS ngày 15/11/2013 và Phụ lục hợp đồng bán đấu giá số 16-02/2014/PLHĐ-BĐGTS ngày 02/01/2014, gây thiệt hại cho người mua trúng tài sản đấu giá là Công ty NT

Ngày 13/01/2014 Công ty NT đã bán 03 chiếc ô tô trên cho Công ty TNHH TMDV PL với giá 1.200.000.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế GTGT) và xuất các hóa đơn thuế GTGT cho Công ty PL với số tiền mà Công ty NT phải chịu thuế GTGT là 108.000.000 đồng.

Do Công ty SG là người được Techcombank ủy quyền bán đấu giá tài sản xử lý nợ, Công ty SG không phải người thụ hưởng số tiền thuế GTGT mà Techcombank là bên có tài sản bán đấu giá có nghĩa vụ hoàn trả lại cho người trúng đấu giá là Công ty NT số tiền thuế GTGT với thuế suất là 10% giá bán tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008.

Việc Techcombank kháng cáo cho rằng giá bán tài đã bao gồm thuế GTGT nhưng không ghi rõ mức thuế suất là bao nhiêu. Sau phiên đấu giá, Techcombank đã xuất hóa đơn GTGT, ghi thuế suất là 0% cho người trúng đấu giá là Công ty NT là đúng với Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng đã quy định “Bán tài sản bảo đảm tiền vay” là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng nên Techcombank không vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng bán đấu giá tài sản, không có trách nhiệm hoàn lại tiền thuế GTGT cho Công ty NT như đã nhận xét phần trên là không có căn cứ chấp nhận.

Tại cấp phúc thẩm Ngân hàng TMCP KTVN kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được chấp nhận.

Từ nhận định trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đảm bảo đúng thủ tục tố tụng, thu thập đánh giá chứng cứ đầy đủ, việc giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp là có căn cứ nên giữ nguyên án sơ thẩm; Do đó yêu cầu kháng cáo của Techcombank không được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm Ngân hàng TMCP KTVN phải chịu 2.000.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP KTVN

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH NT:

Ngân hàng TMCP KTVN có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH NT số tiền thuế GTGT là 108.000.000 đồng (*một trăm lẻ tám triệu đồng*) và lãi chậm trả là 84.000.000 đồng (*tám mươi bốn triệu đồng*) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty SG phải chịu án phí là 9.600.000 đồng, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số AC/2012/09021 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N; Công ty SG phải nộp thêm 6.600.000 đồng.

- Ngân hàng TMCP KTVN phải chịu án phí là 9.600.000 đồng.

- Hoàn lại cho Công ty TNHH NT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số AB/2011/04414 ngày 23/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP KTVN phải chịu 2.000.000 đồng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0019450 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TMCP KTVN được nhận lại số tiền 1.000.000 đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Công ty TNHH NT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ngân hàng TMCP KTVN không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Ngân hàng TMCP KTVN còn phải trả tiền lãi cho Công ty TNHH NT trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên

